

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-51
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12-51

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên
Ông Phạm Mạnh Hà	Thành viên
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên
Ông Bạch Thành Nam	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Số: 255/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được lập ngày 25 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biển

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.098.121.929.560	3.466.217.585.478
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	518.493.494.834	770.927.664.834
111	1. Tiền		337.190.219.960	340.160.278.936
112	2. Các khoản tương đương tiền		181.303.274.874	430.767.385.898
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	448.433.560.889	271.325.737.173
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		448.433.560.889	271.325.737.173
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.006.793.864.550	1.022.896.544.181
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	964.049.114.852	914.121.519.657
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		42.533.295.302	57.343.228.502
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	33.193.522.700	16.885.120.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	12.644.761.572	85.899.512.244
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(46.632.565.353)	(51.629.924.031)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		1.005.735.477	277.087.809
140	IV. Hàng tồn kho	9	1.089.029.229.696	1.378.861.337.210
141	1. Hàng tồn kho		1.094.473.019.541	1.387.600.833.410
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.443.789.845)	(8.739.496.200)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		35.371.779.591	22.206.302.080
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.406.586.738	2.380.796.252
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		32.948.871.522	18.802.545.278
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	16.321.331	1.022.960.550
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.819.382.361.671	1.680.198.233.075
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		395.000.000	8.523.772.476
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	457.724.476
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	395.000.000	8.066.048.000
220	II. Tài sản cố định		981.971.979.497	750.065.201.022
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	925.140.436.177	675.109.785.964
222	- Nguyên giá		1.715.524.224.347	1.512.780.293.213
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(790.383.788.170)	(837.670.507.249)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	56.831.543.320	74.955.415.058
228	- Nguyên giá		68.819.552.152	84.863.183.598
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.988.008.832)	(9.907.768.540)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		44.873.799.497	337.570.727.947
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	44.873.799.497	337.570.727.947
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	646.827.240.129	456.640.221.118
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		638.870.867.329	449.133.104.318
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.491.514.600	8.491.514.600
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(535.141.800)	(984.397.800)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		145.314.342.548	127.398.310.512
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	143.919.494.156	123.442.256.767
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.a	1.394.848.392	3.956.053.745
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.917.504.291.231	5.146.415.818.553

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.924.215.058.500	2.407.699.506.770
310	I. Nợ ngắn hạn		1.800.610.784.387	2.294.253.255.662
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	571.664.467.750	576.964.314.072
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		95.368.632.658	118.621.678.224
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	29.164.746.632	52.288.685.558
314	4. Phải trả người lao động		110.252.303.880	143.747.897.589
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	34.017.384.934	86.709.024.960
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	18.530.302.185	58.434.941.980
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	365.956.116.354	331.333.663.527
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	504.114.164.978	806.250.113.649
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	43.641.992.233	77.455.883.215
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		27.900.672.783	42.447.052.888
330	II. Nợ dài hạn		123.604.274.113	113.446.251.108
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	36.865.162.057	9.945.550.193
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	8.900.875.882	7.597.579.662
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	17.213.189.000	28.380.689.000
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.b	234.802.801	528.689.079
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	20	49.382.894.377	43.481.057.632
343	6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		11.007.349.996	23.512.685.542

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.993.289.232.731	2.738.716.311.783
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	2.981.559.990.574	2.727.712.916.008
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		66.378.000.000	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		47.050.714.170	47.513.826.624
415	4. Cổ phiếu quỹ		(5.025.000.000)	(7.125.000.000)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		84.376.333	960.044.030
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		123.438.566.724	107.862.750.909
420	7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	198.392.508
421	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		744.300.401.229	629.439.175.337
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		423.190.425.666	311.007.098.478
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		321.109.975.563	318.432.076.859
429	10. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		455.332.932.118	548.863.726.600
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		11.729.242.157	11.003.395.775
431	1. Nguồn kinh phí		4.011.662.947	1.857.403.945
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		7.717.579.210	9.145.991.830
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.917.504.291.231	5.146.415.818.553

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	8.630.723.684.053	9.317.276.336.021
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	248.016.241.157	582.253.464.449
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.382.707.442.896	8.735.022.871.572
11	4. Giá vốn hàng bán	26	7.276.539.684.313	7.480.197.065.732
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.106.167.758.583	1.254.825.805.840
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	130.147.064.204	62.602.582.164
22	7. Chi phí tài chính	28	130.345.487.560	63.051.135.790
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		54.828.381.840	66.136.795.496
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		5.198.438.999	44.203.620.719
25	9. Chi phí bán hàng	29	201.090.967.584	349.596.040.220
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	338.748.091.893	344.502.283.936
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		571.328.714.749	604.482.548.777
31	12. Thu nhập khác	31	6.462.728.666	13.964.037.229
32	13. Chi phí khác	32	3.388.813.123	45.217.324.768
40	14. Lợi nhuận khác		3.073.915.543	(31.253.287.539)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		574.402.630.292	573.229.261.238
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	118.297.862.487	125.951.156.146
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		108.281.913	(947.112.464)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		455.996.485.892	448.225.217.556
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		321.109.975.563	318.432.076.859
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		134.886.510.329	129.793.140.697
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	2.187	2.286

(Signature)

(Signature)



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		574.402.630.292	573.229.261.238
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		97.653.503.258	104.567.782.106
03	- Các khoản dự phòng		74.716.618.222	(7.741.010.911)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.145.269.575)	(1.548.292.448)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(172.372.046.107)	(100.455.987.991)
06	- Chi phí lãi vay		54.828.381.840	66.136.795.496
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		627.083.817.930	634.188.547.490
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(215.694.534.103)	248.546.065.453
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(128.528.629.928)	(93.690.001.364)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		194.224.395.547	129.281.542.568
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(28.788.629.089)	(3.291.378.102)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(55.392.795.264)	(68.788.762.134)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(131.795.278.086)	(126.701.164.385)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		40.217.626.226	16.245.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(295.788.764.748)	(179.895.510.887)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.537.208.485	555.894.338.639
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(201.507.426.652)	(185.285.793.108)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		702.080.000	8.016.582.285
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(459.193.246.676)	(231.098.759.131)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		282.085.422.960	213.679.563.369
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(95.653.040.249)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	73.517.183.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		120.822.728.550	56.945.799.568
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(352.743.482.067)	(64.225.424.017)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		224.306.340.000	-
	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu của Tổng Công ty		216.510.000.000	-
	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu của Công ty con		7.796.340.000	-
33	4. Tiền thu từ đi vay		1.473.067.321.335	2.221.336.348.285
34	5. Tiền trả nợ gốc vay		(1.377.507.233.285)	(2.270.321.956.784)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(225.079.517.819)	(166.620.730.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		94.786.910.231	(215.606.338.499)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(252.419.363.351)	276.062.576.123
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		770.927.664.834	494.352.346.689
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(14.806.649)	512.742.022
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>518.493.494.834</u>	<u>770.927.664.834</u>




Đoàn Thị Lan Phương
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Trọng Tiếu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.550.000.000.000 đồng; trong đó có 155.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Thiết kế chế tạo, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thiết bị đo điện mang thương hiệu GELEX-EMIC như: Công tơ điện 1 pha, 3 pha cơ khí; Công tơ điện tử thông minh 1 pha, 3 pha đa chức năng; Máy biến dòng điện, máy biến điện áp đo lường trung thế, hạ thế và các thiết bị đo điện điện tử khác. Kinh doanh dịch vụ khách sạn.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Cấu trúc Tổng Công ty

- **Tổng số Công ty con: 11 công ty**
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 06 công ty con trực tiếp và 05 công ty con gián tiếp. Trong đó số lượng được hợp nhất đến thời điểm mất quyền kiểm soát là 01 công ty con trực tiếp và 02 công ty con gián tiếp.
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: không có.
- **Thông tin về tái cấu trúc Tổng Công ty:** Trong năm, Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT) hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 51,00% xuống 25,50%. Trong năm, Công ty Cổ phần Thiết bị điện cũng hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 65,16% xuống 43,44%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

- **Tổng Công ty có các công ty con trực tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	65,006%	65,006%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty Cổ phần Thiết bị điện (*)	Tỉnh Đồng Nai	65,16%	65,16%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	TP. Hà Nội	65,84%	65,84%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1	TP. Hà Nội	51,03%	51,03%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty GELEX Cambodia (1)	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương (2)	Tỉnh Hải Dương	51,25%	51,25%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy bơm

(1) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty GELEX Cambodia:

Trong năm Công ty GELEX Cambodia thay đổi Giấy phép đầu tư ra nước ngoài số 754/BKHĐT-ĐTRNN với số vốn điều lệ 25.000 USD, thấp hơn vốn đầu tư ban đầu đã góp của Tổng Công ty là 239.500 USD.

(2) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương:

Trong năm Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 27.586.800.000 đồng lên 35.000.000.000 đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 65,02% xuống 51,25%.

- **Tổng Công ty có các công ty con gián tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư Thibidi (*)	Tỉnh Đồng Nai	33,23%	51,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Liên doanh Thibidi (Cambodia) (*)	Phnom Penh, Campuchia	53,59%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh	51,75%	78,48%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	TP. Hà Nội	35,94%	54,59%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề
Công ty TNHH Cadivi Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	65,09%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện

(*) Công ty con trực tiếp và các Công ty con gián tiếp được hợp nhất tới thời điểm Tổng Công ty mất quyền kiểm soát.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

- Tổng Công ty có các công ty liên kết, công ty liên doanh quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Thiết bị điện (*)	Tỉnh Đồng Nai	43,44%	43,44%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố được áp dụng phi hồi tố. Tổng Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 42.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng kỳ với Báo cáo tài chính của Tổng Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con:

- Trường hợp công ty mẹ sau khi thoái một phần vốn và mất quyền kiểm soát đối với công ty con, công ty con trở thành công ty liên kết: Khoản lãi, lỗ ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn và giá trị tài sản thuần chuyển nhượng cộng với số lợi thế thương mại được ghi giảm là toàn bộ số lợi thế thương mại còn chưa phân bổ;
- Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân năm tài chính.

2.7 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Ban Tổng Giám đốc được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.8 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50	năm*
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Phần mềm máy tính	03	năm

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.15 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính. Tổng Công ty áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành hàng hóa 5% trên giá trị hợp đồng căn cứ theo các điều khoản hợp đồng cụ thể.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty, Thông báo của Hội đồng quản trị và Tổng Công ty hoàn thành việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.23 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng (bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán). Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	4.581.166.806	4.201.727.172
Tiền gửi ngân hàng	332.609.053.154	335.958.551.764
Các khoản tương đương tiền	181.303.274.874	430.767.385.898
	<u><u>518.493.494.834</u></u>	<u><u>770.927.664.834</u></u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	448.433.560.889	448.433.560.889	271.325.737.173	271.325.737.173
- Tiền gửi có kỳ hạn	448.433.560.889	448.433.560.889	271.325.737.173	271.325.737.173
	<u><u>448.433.560.889</u></u>	<u><u>448.433.560.889</u></u>	<u><u>271.325.737.173</u></u>	<u><u>271.325.737.173</u></u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****b) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	Địa chỉ	31/12/2015			01/01/2015		
		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị ghi sổ
				VND			VND
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	20.360.017.528	34,27%	34,27%	20.188.297.220
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	5.528.359.676	45,00%	45,00%	5.524.630.171
- Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	114.115.327.257	36,35%	36,35%	119.105.505.506
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (1)	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	7.049.361.952	51,00%	51,00%	-
- Công ty CP Thiết bị điện (2)	Tỉnh Đồng Nai	43,44%	43,44%	198.878.604.355	65,16%	65,16%	-
- Công ty TNHH SAS - CTAMAD	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	292.939.196.561	23,11%	23,11%	304.314.671.421
				<u>638.870.867.329</u>			<u>449.133.104.318</u>

(1) Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC

Trong kỳ Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT) hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 51,00% xuống 25,50%.

(2) Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thiết bị điện:

Trong năm Công ty Cổ phần Thiết bị điện hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 65,16% xuống 43,44%.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 41.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.178.670.000	(535.141.800)	2.178.670.000	(984.397.800)
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	4.995.833.299	-	4.995.833.299	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ cao	1.057.011.301	-	1.057.011.301	-
- Công ty Cổ phần XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	260.000.000	-	260.000.000	-
	8.491.514.600	(535.141.800)	8.491.514.600	(984.397.800)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Tổng công ty Điện lực Miền Nam	67.408.349.632	26.403.122.171
- Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	78.030.669	74.617.874.069
- Electricite Du Cambodge (EDC)	-	19.608.870.986
- Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng	-	2.706.238.700
- Công ty Cổ phần Điện máy TP. Hồ Chí Minh	-	31.653.787.155
- Ban quản lý dự án các công trình điện miền Nam	-	18.613.153.958
- Myanmar Solar Rays Co., Ltd Solar Rays Electrical Trading	38.775.578.887	18.826.721.261
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân	19.260.526.417	19.289.526.417
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Thương mại Đức Tường PQ	51.114.618.503	45.399.984.953
- Công ty TNHH Thiết bị điện Quý Dân	61.550.243.456	52.969.628.527
- Công ty Cổ phần Thương mại Điện máy Kim Biên	63.448.616.616	54.340.549.584
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	15.811.537.610	-
- Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	23.736.287.344	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	622.865.325.718	549.692.061.876
	<u>964.049.114.852</u>	<u>914.121.519.657</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41.	<u>28.442.067.021</u>	<u>3.201.857.600</u>

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	16.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	12.385.120.000	12.385.120.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	4.500.000.000	4.500.000.000
Cho vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I	308.402.700	-
	<u>33.193.522.700</u>	<u>16.885.120.000</u>

105
 CÔNG TY
 VIỆT NAM
 THƯƠNG MẠI
 VÀ DỊCH VỤ
 HÀ NỘI
 M. TP.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	12.644.761.572	-	85.899.512.244	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.491.439.432	-	4.223.515.094	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	105.732.846	-	267.004.449	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	17.357.999	-	18.419.563	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	11.413.620	-	12.074.700	-
Tạm ứng	4.890.590.185	-	16.321.780.495	-
Ký cược, ký quỹ	3.632.172.469	-	51.811.608.278	-
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân	9.151.710	-	8.953.733.946	-
Phải thu Kinh phí xây dựng hạ tầng	10.000.000	-	1.000.000.000	-
Tạm ứng tiền thưởng HĐQT, ban điều hành	1.100.000.000	-	-	-
Phải thu khác	376.903.311	-	3.291.375.719	-
b) Dài hạn	395.000.000	-	8.066.048.000	-
Ký cược, ký quỹ	395.000.000	-	8.066.048.000	-
	13.039.761.572	-	93.965.560.244	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	56.841.893.540	54.471.637.882	67.157.207.059	55.589.711.813
Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân	19.260.526.417	19.260.526.417	19.289.526.417	19.289.526.417
RMM METALLHANDEL GMBH	6.871.886.896	6.871.886.896	6.871.886.896	6.871.886.896
Công ty Cổ phần điện Sóng Thần	-	-	2.054.418.077	2.054.418.077
Công ty TNHH Xây dựng Hải Long	-	-	2.511.834.934	2.511.834.934
Các khoản khác	30.709.480.227	28.339.224.569	36.429.540.735	24.862.045.489
	56.841.893.540	54.471.637.882	67.157.207.059	55.589.711.813

Giá trị có thể thu hồi được ghi nhận căn cứ đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và các Công ty con. Đối với các khoản nợ xấu của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam số dư các khoản nợ xấu đã có quyết định của Tòa án nhân dân buộc bên nợ phải trả là 19.445.763.787 đồng, số còn lại là 6.871.886.896 đồng được chờ quyết định của Tòa án.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	6.301.117.300	-	17.092.537.938	-
Nguyên liệu, vật liệu	318.564.535.179	-	363.507.740.731	(183.160.618)
Công cụ, dụng cụ	3.436.578.236	-	5.022.129.334	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	112.003.204.172	-	169.909.447.845	-
Thành phẩm	596.464.177.207	(5.164.038.845)	665.122.367.802	(8.276.584.582)
Hàng hoá	44.288.279.252	(279.751.000)	152.214.105.099	(279.751.000)
Hàng gửi đi bán	13.415.128.195	-	14.732.504.661	-
	1.094.473.019.541	(5.443.789.845)	1.387.600.833.410	(8.739.496.200)

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản dở dang	40.276.323.737	314.157.186.967
Xây dựng Văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn	4.138.214.910	4.138.214.910
Xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành	4.526.282.862	297.305.468.099
Dự án Nhà máy Cấp điện và xưởng sản xuất dây điện tử tại Tân Phú Trung của Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	7.796.532.540	5.683.541.634
Dự án Nhà máy cấp điện Cadivi Miền Trung	369.500.750	2.143.754.760
Dự án Xây dựng nhà xưởng sản xuất và văn phòng KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh (*)	16.141.737.636	260.410.182
Dự án đầu tư sản xuất MBA Amorphous	5.243.205.244	-
Công trình khác	2.060.849.795	4.625.797.382
- Mua sắm tài sản cố định	3.882.522.088	21.773.910.400
Chi phí mua đất Khu đô thị An Phú - An Khánh	-	15.100.000.000
Dây chuyền máy kéo đại	-	3.400.000.000
Phần mềm ERP	3.287.000.400	2.872.460.400
Các tài sản khác	595.521.688	401.450.000
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	714.953.672	1.639.630.580
Sửa chữa lớn, nâng cấp máy móc tại Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	622.856.122	1.639.630.580
Sửa chữa lớn tài sản cố định khác	92.097.550	-
	44.873.799.497	337.570.727.947

(*) Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất được Tổng Công ty thực hiện từ quý IV năm 2014 và dự kiến hoàn thành đầu năm 2016 với tổng dự toán 29,28 tỷ đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	576.902.579.836	811.382.480.627	100.157.427.746	24.257.405.004	80.400.000	1.512.780.293.213
- Mua trong năm	28.298.987.218	75.162.639.036	18.324.916.272	848.956.726	-	122.635.499.253
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	246.018.606.012	21.421.205.960	837.233.638	82.811.532.777	-	351.088.578.387
- Tăng do chuyển đổi báo cáo	-	-	39.487.500	2.406.293	-	41.893.793
- Thanh lý, nhượng bán	(804.532.536)	(2.727.854.819)	(1.036.594.919)	-	-	(4.568.982.274)
- Giảm do chuyển công ty con thành Công ty liên kết	(95.460.396.219)	(142.339.357.958)	(23.150.877.493)	(5.051.458.568)	(80.400.000)	(266.082.490.238)
- Giảm khác	(370.567.787)	-	-	-	-	(370.567.787)
- Phân loại lại	-	970.365.811	(875.960.811)	(94.405.000)	-	-
Số dư cuối năm	754.584.676.524	763.869.478.657	94.295.631.934	102.774.437.232	-	1.715.524.224.347
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	258.136.654.812	494.114.902.908	65.296.205.850	20.042.343.679	80.400.000	837.670.507.249
- Khấu hao trong năm	27.306.471.406	57.098.213.953	7.861.445.494	6.228.849.077	-	98.494.979.930
- Khấu hao tài sản hình thành từ dự án KHCN	-	2.896.733.171	-	79.365.000	-	2.976.098.171
- Tăng do chuyển đổi báo cáo	-	-	16.366.441	891.907	-	17.258.348
- Thanh lý, nhượng bán	(162.094.174)	(1.938.821.621)	(188.020.423)	-	-	(2.288.936.218)
- Giảm do chuyển công ty con thành Công ty liên kết	(36.820.986.319)	(92.574.887.850)	(12.742.807.849)	(4.254.868.439)	(80.400.000)	(146.473.950.457)
- Phân loại lại	(11.502.187)	950.345.734	(875.960.811)	(75.051.589)	-	(12.168.853)
Số dư cuối năm	248.448.543.538	460.546.486.295	59.367.228.702	22.021.529.635	-	790.383.788.170
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	318.765.925.024	317.267.577.719	34.861.221.896	4.215.061.325	-	675.109.785.964
Tại ngày cuối năm	506.136.132.986	303.322.992.362	34.928.403.232	80.752.907.597	-	925.140.436.177

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 152.172.471.471 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 386.855.983.031 đồng



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	79.437.072.507	2.777.471.665	2.648.639.426	84.863.183.598
- Mua trong năm	-	6.067.200.000	-	6.067.200.000
- Giảm khác	-	(47.381.873)	-	(47.381.873)
- Giảm do chuyển đổi công ty con thành liên kết	(20.529.754.848)	(1.533.694.725)	-	(22.063.449.573)
Số dư cuối năm	58.907.317.659	7.263.595.067	2.648.639.426	68.819.552.152
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	6.818.668.105	1.867.475.422	1.221.625.013	9.907.768.540
- Khấu hao trong năm	1.033.159.048	1.631.158.051	163.012.158	2.827.329.257
- Giảm khác	-	(47.381.873)	-	(47.381.873)
- Giảm do chuyển đổi công ty con thành liên kết	-	(699.707.092)	-	(699.707.092)
Số dư cuối năm	7.851.827.153	2.751.544.508	1.384.637.171	11.988.008.832
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	72.618.404.402	909.996.243	1.427.014.413	74.955.415.058
Tại ngày cuối năm	51.055.490.506	4.512.050.559	1.264.002.255	56.831.543.320

(*) Giá trị quyền sử dụng đất bao gồm giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn với tổng số tiền là 50.991.285.959 đồng, là quyền sử dụng đất tại 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, với thời hạn sử dụng là 50 năm bắt đầu từ ngày 19/10/2007. Còn lại là quyền sử dụng đất lâu dài với tổng số tiền là 8.328.636.676 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	2.406.586.738	2.380.796.252
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.237.762.135	2.380.796.252
Chi phí thuê kho, văn phòng, thuê đất	65.000.925	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.103.823.678	-
b) Dài hạn	143.919.494.156	123.442.256.767
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11.812.029.259	11.671.271.641
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	6.104.468.867	5.445.295.097
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	13.276.448.872	12.001.250.757
Chi phí thuê đất trả trước	111.421.492.433	92.818.552.769
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.305.054.725	1.505.886.503
	146.326.080.894	125.823.053.019

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Ngô Han	-	-	21.784.112.895	21.784.112.895
- Công ty TNHH Trung tâm thép NSSB Sài Gòn	-	-	24.922.014.508	24.922.014.508
- Công ty LG International (HK)	35.028.075.466	35.028.075.466	-	-
- LS NIKKO COPPER INC.	33.654.074.601	33.654.074.601	-	-
- Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Tân Nghệ Nam	56.157.913.449	56.157.913.449	9.414.957.749	9.414.957.749
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	17.279.749.520	17.279.749.520	1.077.687.600	1.077.687.600
- Công ty Cổ phần Địa ốc - Cáp điện Thịnh Phát	51.654.495.103	51.654.495.103	30.729.257.457	30.729.257.457
- Công ty Cổ phần Kim loại màu và nhựa Đồng Việt	73.838.368.564	73.838.368.564	38.150.382	38.150.382
- Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	25.052.616.758	25.052.616.758	-	-
- DAEWOO INTERNATIONAL CORP.	13.418.105.039	13.418.105.039	93.228.742.051	93.228.742.051
- Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	94.473.185.907	94.473.185.907	123.193.260.639	123.193.260.639
- Phải trả các đối tượng khác	171.107.883.343	171.107.883.343	272.576.130.791	272.576.130.791
	571.664.467.750	571.664.467.750	576.964.314.072	576.964.314.072
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41.)				
	95.298.974.007	95.298.974.007	123.193.260.639	123.193.260.639

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số giảm trong năm (*)	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	43.310.410	10.149.476.457	142.383.269.172	149.691.892.911	9.632.950	2.807.175.258
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	6.468.538	150.639.429	2.188.304.967	2.339.164.239	6.688.381	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	973.181.602	38.331.740.850	95.949.071.664	109.223.836.655	-	24.083.794.257
Thuế Thu nhập cá nhân	-	3.500.748.626	11.285.723.603	12.516.855.352	-	2.269.616.877
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	113.625.218	14.715.273.223	14.824.738.201	-	4.160.240
Các loại thuế khác	-	42.454.978	532.296.889	574.751.867	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	29.649.611	29.649.611	-	-
	1.022.960.550	52.288.685.558	267.083.589.129	289.200.888.836	16.321.331	29.164.746.632

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(*) Số giảm trong năm bao gồm số tiền thực nộp trong năm và số giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	197.007.906	978.272.162
- Trích trước chi phí vận chuyển, thuê kho, phí bảo vệ, tiền ăn ca	4.257.853.767	3.388.784.891
- Trích trước lãi ký quỹ và các khoản chiết khấu	14.196.798.172	47.163.601.097
- Chi phí hoa hồng	-	21.596.588.670
- Phí bản quyền của hợp đồng Lixang AVK	3.070.875.500	3.070.875.500
- Chi phí thuê đất tại số 16 Nguyễn Biểu, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh của CTCP Dây cáp điện Việt Nam	1.413.720.000	-
- Trích trước chi phí khuyến mại	6.974.241.959	6.572.851.000
- Chi phí phải trả khác	3.906.887.630	3.938.051.640
	<u>34.017.384.934</u>	<u>86.709.024.960</u>

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	18.530.302.185	58.434.941.980
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng, tài sản	1.367.584.028	872.149.354
- Doanh thu nhận trước từ tiền thu học phí	2.245.263.612	2.767.517.405
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	14.917.454.545	54.795.275.221
b) Dài hạn	36.865.162.057	9.945.550.193
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	36.865.162.057	9.945.550.193
	<u>55.395.464.242</u>	<u>68.380.492.173</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	365.956.116.354	331.333.663.527
- Tài sản thừa chờ giải quyết	711.508.637	1.087.852.802
- Kinh phí công đoàn	1.827.363.518	2.928.982.471
- Bảo hiểm xã hội	643.113.182	343.516.974
- Bảo hiểm y tế	72.090.053	121.826.929
- Bảo hiểm thất nghiệp	57.320.033	217.235.866
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	301.399.158.645	252.550.342.331
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	130.320.000	808.210.000
- Phải trả cổ tức cho cổ đông thiểu số tại Công ty con	8.847.566.054	2.288.720.969
- Phải trả lãi vay	325.463.455	108.612.623
- Nhận đặt cọc thực hiện dự án 10 Trần Nguyên Hãn - Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
- Phải trả Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	-	36.964.348.246
- Cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC góp thêm vốn điều lệ	-	10.000.000.000
- Cổ đông Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 góp thêm vốn điều lệ	7.796.340.000	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Emic	16.699.815.109	-
- Phải trả Quỹ khen thưởng, phúc lợi CTCP Dây cáp điện Việt Nam	5.307.769.345	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.138.288.323	3.914.014.316
b) Dài hạn	8.900.875.882	7.597.579.662
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.900.875.882	7.597.579.662
	<u>374.856.992.236</u>	<u>338.931.243.189</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn ngân hàng	762.748.904.787	762.748.904.787	1.428.148.009.127	1.712.814.293.991	478.082.619.923	478.082.619.923
- Vay ngắn hạn tổ chức	-	-	3.800.000.000	3.800.000.000	-	-
- Vay ngắn hạn cá nhân	29.052.953.090	29.052.953.090	38.098.812.208	55.308.220.243	11.843.545.055	11.843.545.055
- Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	260.255.772	260.255.772	-	260.255.772	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước	14.188.000.000	14.188.000.000	14.188.000.000	14.188.000.000	14.188.000.000	14.188.000.000
	806.250.113.649	806.250.113.649	1.484.234.821.335	1.786.370.770.006	504.114.164.978	504.114.164.978
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước	42.568.689.000	42.568.689.000	-	14.188.000.000	28.380.689.000	28.380.689.000
- Vay dài hạn Ngân hàng	260.255.772	260.255.772	3.020.500.000	260.255.772	3.020.500.000	3.020.500.000
	42.828.944.772	42.828.944.772	3.020.500.000	14.448.255.772	31.401.189.000	31.401.189.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(14.448.255.772)	(14.448.255.772)	(14.188.000.000)	(14.448.255.772)	(14.188.000.000)	(14.188.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	28.380.689.000	28.380.689.000			17.213.189.000	17.213.189.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chi tiết số dư các khoản vay:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	504.114.164.978	806.250.113.649
Vay ngắn hạn ngân hàng	478.082.619.923	762.748.904.787
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	59.174.463.176	29.050.925.533
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa	-	315.415.287.947
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Sở giao dịch 2	-	97.457.780.191
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	5.091.823.440	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Nai	-	67.093.620.809
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VP Hồ Chí Minh	157.108.792.439	88.854.600.473
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Dương	22.825.223.351	7.494.979.818
Ngân hàng TMCP Quân đội	130.605.674.167	54.984.151.929
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	94.409.634.132	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia	-	5.311.500.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội	5.485.982.888	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	-	9.986.556.490
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	3.381.026.330	87.099.501.597
Vay ngắn hạn tổ chức	1.350.000.000	1.350.000.000
Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	1.300.000.000	1.150.000.000
Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	50.000.000	100.000.000
Công đoàn Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư Thibidi	-	100.000.000
Vay cá nhân	10.493.545.055	27.702.953.090
Vay dài hạn đến hạn trả	14.188.000.000	14.448.255.772
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	-	260.255.772
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước	14.188.000.000	14.188.000.000
b) Vay dài hạn	17.213.189.000	28.380.689.000
Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước	14.192.689.000	28.380.689.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	3.020.500.000	-
	521.327.353.978	834.630.802.649

20 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	43.641.992.233	77.455.883.215
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	43.641.992.233	77.455.883.215
b) Dài hạn	49.382.894.377	43.481.057.632
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	49.382.894.377	34.139.544.070
- Dự phòng phải trả khác (Dự phòng phải trả trợ cấp mất việc làm)	-	9.341.513.562
	93.024.886.610	120.936.940.847

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

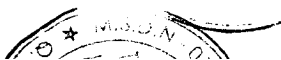
Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.400.000.000.000	-	47.513.826.624	(5.025.000.000)	819.607.405	64.580.464.743	186.096.715	571.636.332.758	451.373.236.710	2.531.084.564.955
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	318.432.076.859	129.793.140.697	448.225.217.556
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	43.282.286.166	145.555.599	(83.097.049.954)	(20.304.326.920)	(59.973.535.109)
Chi trả cổ tức tại Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	(167.400.000.000)	-	(167.400.000.000)
Chi trả cổ tức tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(69.975.746.000)	(69.975.746.000)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	(2.100.000.000)	140.436.625	-	-	5.987.574.849	42.063.509.029	46.091.520.503
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(15.913.913.084)	15.913.913.084	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(133.259.806)	(205.846.091)	-	(339.105.897)
Số dư cuối năm trước	1.400.000.000.000	-	47.513.826.624	(7.125.000.000)	960.044.030	107.862.750.909	198.392.508	629.439.175.337	548.863.726.600	2.727.712.916.008
Số dư đầu năm nay	1.400.000.000.000	-	47.513.826.624	(7.125.000.000)	960.044.030	107.862.750.909	198.392.508	629.439.175.337	548.863.726.600	2.727.712.916.008
Tăng vốn trong năm	150.000.000.000	66.378.000.000	-	-	-	-	-	-	-	216.378.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	321.109.975.563	134.886.510.329	455.996.485.892
Phân phối lợi nhuận của mẹ	-	-	-	-	-	29.500.000.000	-	(45.655.000.000)	-	(16.155.000.000)
Phân phối lợi nhuận của các công ty con	-	-	-	-	-	8.981.561.604	-	(22.646.866.490)	(8.405.162.687)	(22.070.467.573)
Chi trả cổ tức của mẹ	-	-	-	-	-	-	-	(167.400.000.000)	-	(167.400.000.000)
Chi trả cổ tức của các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(63.560.472.904)	(63.560.472.904)
Ảnh hưởng khi công ty con tăng vốn	-	-	-	-	-	(1.756.701.142)	-	(1.131.258.777)	13.106.839.919	10.218.880.000
Ảnh hưởng khi chuyển công ty con thành liên kết	-	-	(463.112.454)	2.100.000.000	(838.620.418)	(21.149.044.647)	(198.392.508)	30.577.383.041	(169.558.509.139)	(159.530.296.125)
Chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	(37.047.279)	-	-	6.992.555	-	(30.054.724)
Số dư cuối năm	1.550.000.000.000	66.378.000.000	47.050.714.170	(5.025.000.000)	84.376.333	123.438.566.724	-	744.300.401.229	455.332.932.118	2.981.559.990.574



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2015 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2015 VND
Vốn góp của Nhà nước	0,00%	-	87,17%	1.220.448.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bán Việt	9,68%	150.000.000.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	90,00%	1.395.000.000.000	12,47%	174.552.000.000
Cổ phiếu quỹ	0,32%	5.000.000.000	0,36%	5.000.000.000
	100%	1.550.000.000.000	100%	1.400.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	150.000.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	155.000.000	140.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	155.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	500.000	700.000
- Cổ phiếu phổ thông	500.000	700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	154.500.000	139.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	154.500.000	139.300.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	123.438.566.724	107.862.750.909
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	198.392.508
	123.438.566.724	108.061.143.417

22 . CHÈNH LỆCH TỶ GIÁ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VND	(37.047.279)	140.436.625
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển Công ty con thành Công ty liên kết	(838.620.418)	-
	(875.667.697)	140.436.625

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Tài sản nhận giữ hộ	-	11.336.052.670
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác	-	11.336.052.670
b) Nợ khó đòi đã xử lý	9.524.621.748	9.524.621.748
c) Ngoại tệ các loại	31/12/2015	01/01/2015
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.410.425,78	3.117.490,89
- Đồng Bảng Anh (GBP)	196,59	196,59
- Đồng Krone Đan Mạch (DKK)	1.923,75	1.923,75
- Đồng Euro (EUR)	585,48	3.385,48
- Đồng đô la Úc (AUD)	-	250,00
- Đồng Yên Nhật (JPY)	-	33.000,00
- Đồng Reil Cambodia (Reil)	62.028.859,00	166.413.523,19

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	5.440.471.204.776	5.504.179.940.394
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư, phế liệu	3.005.164.621.981	3.626.643.509.567
Doanh thu cung cấp dịch vụ	173.654.338.144	169.510.394.780
Doanh thu hợp đồng xây dựng	11.433.519.152	16.942.491.280
	8.630.723.684.053	9.317.276.336.021
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41.)	150.693.011.553	2.396.941.462

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	233.769.642.562	565.842.428.634
Hàng bán bị trả lại	14.246.598.595	311.121.000
Giảm giá hàng bán	-	16.099.914.815
	248.016.241.157	582.253.464.449

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.288.432.342.700	3.849.393.897.231
Giá vốn của hàng hóa, vật tư, phế liệu đã bán	2.858.716.412.663	3.501.119.668.558
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	106.028.536.499	107.569.866.761
Giá vốn hoạt động xây dựng	11.054.072.040	15.332.916.889
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	196.106.412	379.581.473
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	12.112.213.999	6.401.134.820
	7.276.539.684.313	7.480.197.065.732

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	28.544.412.931	35.035.291.563
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	306.138.901	751.539.661
Lãi bán các khoản đầu tư	220.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	93.702.479.511	21.310.897.049
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.161.566.853	3.955.530.864
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.177.708.362	1.549.323.027
Doanh thu hoạt động tài chính khác	34.757.646	-
	130.147.064.204	62.602.582.164

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	54.828.381.840	66.136.795.496
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	587.490.486	5.501.421.532
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	65.888.679.265	1.713.573.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	8.837.688.344	5.482.886.567
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	32.438.787	1.030.579
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(466.203.037)	(16.931.354.000)
Chi phí tài chính khác	637.011.875	1.146.782.416
	130.345.487.560	63.051.135.790

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.307.483.018	17.282.331.582
Chi phí nhân công	32.134.567.198	40.586.108.123
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.943.037.244	2.273.182.595
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.187.838.260	69.726.009.187
Chi phí khác bằng tiền	49.438.713.020	164.242.653.213
Chi phí bảo hành	39.079.328.844	55.485.755.520
	201.090.967.584	349.596.040.220

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.088.792.801	11.454.451.270
Chi phí nhân công	166.065.862.040	156.537.430.490
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.799.799.878	15.855.256.215
Thuế, phí, lệ phí	12.313.895.849	9.645.930.871
Chi phí dự phòng	16.148.019.389	25.730.481.566
- Trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ	-	16.620.685.542
- Trích quỹ dự phòng tiền lương	5.439.866.636	6.320.587.755
- Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.708.152.753	2.789.208.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.322.843.229	36.435.659.556
Chi phí khác bằng tiền	82.008.878.707	88.843.073.968
	338.748.091.893	344.502.283.936

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.018.192.584	7.684.358.781
Tiền phạt thu được	2.906.000	-
Thuế được giảm	4.606.364	-
Thu từ hỗ trợ lãi suất của Công ty đầu tư Tài chính Nhà nước	1.463.336.988	3.069.280.284
Thu nhập từ hỗ trợ quản lý của đối tác đầu tư vào Công ty TNHH SAS-CTAMAD.	1.174.500.000	1.144.800.000
Thu nhập khác	1.799.186.730	2.065.598.164
	6.462.728.666	13.964.037.229

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.153.084.865	6.064.606.921
Lãi chậm nộp phải trả	-	36.964.348.246
Chi phí khác	2.235.728.258	2.188.369.601
	3.388.813.123	45.217.324.768

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	574.402.630.292	573.229.261.238
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	118.297.862.487	125.251.885.162
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ này	-	699.270.984
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>118.297.862.487</u>	<u>125.951.156.146</u>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	222.650.608	278.121.146
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	37.358.559.248	37.830.446.341
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(131.795.278.086)	(126.701.164.385)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>24.083.794.257</u>	<u>37.358.559.248</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI****a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.394.848.392	3.956.053.745
	1.394.848.392	3.956.053.745

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	22%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	234.802.801	528.689.079
	234.802.801	528.689.079

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	321.109.975.563	318.432.076.859
Các khoản điều chỉnh	(3.052.076.031)	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế⁽¹⁾</i>	(557.076.031)	-
- <i>Quỹ thưởng Ban điều hành được trích từ lợi nhuận sau thuế⁽²⁾</i>	(2.495.000.000)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	318.057.899.532	318.432.076.859
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	145.458.242	139.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.187	2.286

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

(1) Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế căn cứ số liệu của một số công ty con đã tạm tính, Tổng Công ty và một số công ty con khác chưa thực hiện điều chỉnh khoản quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế do không có đủ cơ sở ước tính.

(2) Quỹ thưởng Ban điều hành được trích 1% từ lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 04/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.525.048.849.562	3.852.387.496.790
Chi phí nhân công	482.804.251.997	321.431.518.819
Chi phí khấu hao tài sản cố định	109.191.574.562	105.805.904.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	202.367.873.401	104.681.085.929
Chi phí khác bằng tiền	227.534.719.752	256.358.517.694
	<u>5.546.947.269.274</u>	<u>4.640.664.523.471</u>

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	518.493.494.834	-	770.927.664.834	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	977.088.876.424	(46.632.565.353)	1.008.087.079.901	(51.629.924.031)
Các khoản cho vay	481.627.083.589	-	288.668.581.649	-
Đầu tư dài hạn	8.491.514.600	(535.141.800)	8.491.514.600	(984.397.800)
	<u>1.985.700.969.447</u>	<u>(47.167.707.153)</u>	<u>2.076.174.840.984</u>	<u>(52.614.321.831)</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	521.327.353.978	834.630.802.649
Phải trả người bán, phải trả khác	946.521.459.986	915.895.557.261
Chi phí phải trả	34.017.384.934	86.709.024.960
	<u>1.501.866.198.898</u>	<u>1.837.235.384.870</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	518.493.494.834	-	-	518.493.494.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	930.061.311.071	395.000.000	-	930.456.311.071
Các khoản cho vay	481.627.083.589	-	-	481.627.083.589
Đầu tư dài hạn	-	7.956.372.800	-	7.956.372.800
	1.930.181.889.494	8.351.372.800	-	1.938.533.262.294
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	770.927.664.834	-	-	770.927.664.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	948.391.107.870	8.066.048.000	-	956.457.155.870
Các khoản cho vay	288.210.857.173	457.724.476	-	288.668.581.649
Đầu tư dài hạn	-	7.507.116.800	-	7.507.116.800
	2.007.529.629.877	16.030.889.276	-	2.023.560.519.153

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	504.114.164.978	17.213.189.000	-	521.327.353.978
Phải trả người bán, phải trả khác	937.620.584.104	8.900.875.882	-	946.521.459.986
Chi phí phải trả	34.017.384.934	-	-	34.017.384.934
	1.475.752.134.016	26.114.064.882	-	1.501.866.198.898

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	806.250.113.649	28.380.689.000	-	834.630.802.649
Phải trả người bán, phải trả khác	908.297.977.599	7.597.579.662	-	915.895.557.261
Chi phí phải trả	86.709.024.960	-	-	86.709.024.960
	<u>1.801.257.116.208</u>	<u>35.978.268.662</u>	<u>-</u>	<u>1.837.235.384.870</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 . THÔNG TIN KHÁC

Tháng 10 năm 2015, cổ phiếu của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam chính thức giao dịch trên Sàn chứng khoán UPCOM - Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán: GEX. Tháng 12 năm 2015, Cổ đông Nhà nước (Bộ Công Thương) đã thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Tổng công ty.

39 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

40 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty là hoạt động sản xuất, thương mại và hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**41 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ		150.693.011.553	2.396.941.462
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	6.299.022.106	1.936.141.500
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	471.927.233	460.799.962
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	70.720.334.187	-
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	73.201.728.027	-
Mua hàng hóa		610.805.849.443	732.395.018.843
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	119.592.220	-
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	452.947.619.761	732.395.018.843
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	130.185.666.462	-
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	27.552.971.000	-
Cho vay vốn		10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	10.000.000.000	-
Lãi cho vay vốn		1.471.440.533	1.055.320.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	743.107.200	774.070.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	270.000.000	281.250.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	458.333.333	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia		69.996.408.311	71.438.120.106
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	1.490.700.000	2.086.980.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	765.000.000	-
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	-	450.000.000
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên kết	51.800.000.000	58.800.000.000
Công ty CP Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	15.940.708.311	10.101.140.106

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
Phải thu khách hàng		28.442.067.021	3.201.857.600
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	4.296.396.172	3.201.857.600
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	19.260.669.510	-
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	4.885.001.339	-
Phải thu vốn cho vay		32.885.120.000	22.885.120.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	12.385.120.000	12.385.120.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	16.000.000.000	6.000.000.000
Phải thu lãi cho vay vốn		2.195.706.096	1.349.265.563
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	1.917.372.763	1.174.265.563
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	278.333.333	175.000.000
Phải trả tiền hàng		95.298.974.007	123.193.260.639
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	107.520.000	-
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	94.473.185.907	123.193.260.639
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	718.268.100	-
Ứng trước tiền hàng		5.813.037.664	-
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	77.977.562	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	5.735.060.102	-
Phải thu khác		1.000.000	130.586.149
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	1.000.000	1.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	129.586.149
Phải trả khác		16.699.815.109	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	16.699.815.109	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	4.321.100.000	4.066.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Tổng Công ty thực hiện thay đổi phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Do đó Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được Tổng Công ty lập lại theo phương pháp gián tiếp để so sánh với số liệu kỳ này.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
121	1. Đầu tư ngắn hạn	288.210.857.173	123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	271.325.737.173	(288.210.857.173)
131	1. Phải thu khách hàng	914.121.519.657	131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	914.121.519.657	-
132	2. Trả trước cho người bán	57.343.228.502	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	57.343.228.502	-
135	5. Các khoản phải thu khác	17.766.123.471	135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	16.885.120.000	16.885.120.000
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	68.410.476.582	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	85.899.512.244	68.133.388.773
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(51.629.924.031)	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(68.410.476.582)
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.022.960.550	139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	277.087.809	277.087.809
258	3. Đầu tư dài hạn khác	8.949.239.076	137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(51.629.924.031)	-
218	4. Phải thu dài hạn khác	-	153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.022.960.550	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	8.066.048.000	215	5. Phải thu về cho vay dài hạn	457.724.476	457.724.476
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	337.570.727.947	253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	8.491.514.600	(457.724.476)
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	449.133.104.318	216	6. Phải thu dài hạn khác	8.066.048.000	8.066.048.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(984.397.800)	268	4. Tài sản dài hạn khác	-	(8.066.048.000)
			242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	337.570.727.947	(337.570.727.947)
			252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	449.133.104.318	-
			254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(984.397.800)	-

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	806.250.113.649	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	806.250.113.649	-
312	2. Phải trả người bán	576.964.314.072	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	576.964.314.072	-
313	3. Người mua trả tiền trước	118.621.678.224	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	118.621.678.224	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	52.288.685.558	313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	52.288.685.558	-
315	5. Phải trả người lao động	143.747.897.589	314	5. Phải trả người lao động	143.747.897.589	-
316	6. Chi phí phải trả	86.709.024.960	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	86.709.024.960	-
			318	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	58.434.941.980	58.434.941.980
338	8. Doanh thu chưa thực hiện	68.380.492.173	336	12. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	9.945.550.193	(58.434.941.980)
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	331.333.663.527	319	10. Phải trả ngắn hạn khác	331.333.663.527	-
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	77.455.883.215	321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	77.455.883.215	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	42.447.052.888	322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	42.447.052.888	-
333	3. Phải trả dài hạn khác	7.597.579.662	337	6. Phải trả dài hạn khác	7.597.579.662	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	28.380.689.000	338	7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	28.380.689.000	-
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	528.689.079	341	10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	528.689.079	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	9.341.513.562				(9.341.513.562)
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn	34.139.544.070	342	11. Dự phòng phải trả dài hạn	43.481.057.632	9.341.513.562
339	9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	23.512.685.542	343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	23.512.685.542	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	-
			411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	1.400.000.000.000	
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	60.910.599.947	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	107.862.750.909	46.952.150.962
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	46.952.150.962				(46.952.150.962)
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	198.392.508	420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	198.392.508	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	629.439.175.337	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	629.439.175.337	-
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	311.007.098.478	
			421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	318.432.076.859	
439	C . LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	548.863.726.600	429	12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	548.863.726.600	548.863.726.600
						(548.863.726.600)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	44.203.620.719	24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	44.203.620.719	44.203.620.719
						(44.203.620.719)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	448.225.217.556	60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	448.225.217.556	-
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	129.793.140.697	62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	129.793.140.697	-



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiếu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016